

Bản án số: 07/2017/DS-ST
Ngày 22-01-2018
Về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Song Hoàn

2. Ông Đặng Ngọc Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Lương Ngọc Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân TP.Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 119/2017/TLST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2017, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2017/QĐXX-ST ngày 08 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu H1 – sinh năm 1952 và bà Phạm Thị C – sinh năm 1956; địa chỉ số 05 đường N, phường M, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Kha Anh L – sinh năm 1992; địa chỉ số 60/4 đường N, phường M, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu là đại diện theo ủy quyền, giấy ủy quyền năm 2017(Có mặt).

- Bị đơn: Ông Phạm Ngọc H2 – sinh năm 1968 và bà Phạm Thị Thanh M (còn gọi là Phạm Thị Thanh H) – sinh năm 1971; HKTT và địa chỉ hiện nay số 21/34 đường N, phường M, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Phạm Quốc D – sinh năm 1975; địa chỉ số 7 đường N, phường M, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu là đại diện theo ủy quyền, giấy ủy quyền ngày 25-5-2017(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện ngày 05 tháng 4 năm 2017, ngày 15-11-2017 và quá trình tố tụng tại Tòa, ông Nguyễn Hữu H1, bà Phạm Thị C1 cùng đại diện hợp pháp của ông H1 và bà C trình bày: Ngày 12-01-2012, bà Phạm Thị Thanh M (còn gọi là H) và chồng là ông Phạm Ngọc H2 đến nhà ông Nguyễn Hữu H1, bà C hỏi vay số tiền 300.000.000 đồng. Lúc vay ông H2 và bà H có hứa miệng khi nào cần tiền thì sẽ trả nguyên số tiền đã vay, hàng tháng trả lãi 3.000.000 đồng.

Cho đến nay, ông H1 và bà C chưa nhận được tiền lãi của bất kỳ tháng nào. Ông H1, bà C có thường xuyên liên lạc điện thoại yêu cầu trả nợ nhưng ông H2 và bà M cứ hứa hẹn nhưng không trả nợ.

Đầu năm 2017, vợ chồng bà C đến nhà vợ chồng bà H đòi nợ nhưng không được. Tại phiên tòa hôm nay, bà C, ông H1 yêu cầu vợ chồng bà H phải trả tổng số tiền 480.000.000 đồng. Trong đó, tiền nợ gốc 300.000.000 đồng, tiền nợ lãi tính từ ngày 12-01-2012 đến ngày 22-01-2018 là $72 \text{ tháng} \times 10\% = 180.000.000$ đồng.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa, đại diện hợp pháp của bị đơn là anh Phạm Quốc D xác nhận: Phía bị đơn ông Phạm Ngọc H2 và vợ bà Phạm Thị Thanh M (còn gọi là H) xác nhận có vay của bà Phạm Thị C, ông Nguyễn Hữu H1 số tiền 300.000.000 đồng theo giấy vay tiền ghi bằng mực xanh có nội dung: vợ chồng H2, bà H có vay của bác C 300.000.000 đồng, khi nào bác C cần hai em sẽ trả lại do chính ông H2 và bà H viết ngày 12-01-2012. Nay bà C và ông H1 khởi kiện phía bà M, ông H2 đồng ý trả số nợ gốc 300.000.000 đồng và xin trả mỗi tháng 5.000.000 đồng, về tiền lãi ông H2 và bà M xin không trả. Tại phiên tòa, ông H2, bà M và ông D vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và các đương sự tuân theo quy định của pháp luật.

+ Tại phiên xét xử: Hội đồng xét xử, thư ký và nguyên đơn tuân theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt không tuân theo quy định của pháp luật, đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Buộc ông Phạm Ngọc H2, bà Phạm Thị Thanh M (H) trả cho bà Phạm Thị C, ông Nguyễn Hữu H1 tổng số tiền 480.000.000 đồng (nợ gốc: 300.000.000 đồng, nợ lãi: 180.000.000 đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Hữu H1 và bà Phạm Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Ngọc H2 và bà Phạm Thị Thanh M (H) trả tiền vay theo giấy vay tiền đã ký kết nên xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo

quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; bà H, ông H2 đang sinh sống tại thành phố Vũng Tàu, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

[2] Về nội dung:

Ngày 12-01-2012, ông Phạm Ngọc H2 và bà Phạm Thị Thanh M (H) vay của bà Phạm Thị C và ông Nguyễn Hữu H1 số tiền 300.000.000 đồng, theo giấy vay tiền ngày 12-01-2012 do chính ông H2 và bà H ký xác nhận, việc vay tiền không thế chấp tài sản, không thỏa thuận thời gian trả nợ cũng như số tiền lãi bên bà H phải trả hàng tháng bằng số tiền bao nhiêu cho bên bà C.

Tại phiên tòa, ông H1, bà C yêu cầu buộc bà H, ông H2 trả cho vợ chồng bà tổng số tiền 480.000.000 đồng, trong đó, nợ gốc 300.000.000 đồng, nợ lãi là 180.000.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

[2.1] Xét yêu cầu đòi số nợ gốc thì thấy: Để chứng minh cho yêu cầu của mình ông Nguyễn Hữu H1, bà Phạm Thị C1 cung cấp giấy vay tiền ngày 12-01-2012 (BL 04/TA). Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà H, ông H2 không có ý kiến gì đối với các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như không có yêu cầu phản tố. Căn cứ Điều 91 và 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, khẳng định chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là hợp lệ và ông Phạm Quốc D là đại diện hợp pháp của ông H2, bà M (H) đã xác nhận tại biên bản hòa giải ngày 18-9-2017 là: phía bị đơn (Bà H, ông H2) có vay của vợ chồng bà C số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng nên yêu cầu của bà C, ông H1 về buộc bà H, ông H2 phải trả số tiền vay 300.000.000 đồng là có căn cứ được chấp nhận.

[2.2] Xét về yêu cầu trả tiền lãi thì thấy: như trên phân tích giấy vay tiền ngày 12-01-2012 không thỏa thuận trả lãi nhưng tại biên bản hòa giải ngày 18-9-2017, đại diện hợp pháp của bị đơn xác nhận có trả được một số tiền lãi và do không có lập biên bản giao nhận nên không thể chứng minh được là đã trả bao nhiêu. Vì vậy xác định hợp đồng vay không kỳ hạn có lãi. Căn cứ khoản 2 Điều 469, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên lãi suất được tính như sau: từ ngày 12-01-2012 đến ngày 22-01-2018 là 72 tháng 10 ngày nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi 72 tháng ($72 \text{ tháng} \times 10\% \times 300.000.000\text{đ} = 180.000.000 \text{ đồng}$).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của ông H1, bà C1 được chấp nhận nên bà Phạm Thị Thanh M1, Phạm Ngọc H2 phải nộp 23.200.000 đồng (Hai mươi ba triệu hai trăm ngàn đồng) được tính như sau: $[20.000.000\text{đ} + (480.000.000 \text{ đồng} - 400.000.000\text{đồng} \times 4\%)]$. Bà C, ông H1 không phải nộp nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 95 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 468 và khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều

26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu H1, bà Phạm Thị C đối với bà Phạm Thị Thanh M (H) và ông Phạm Ngọc H2.

Buộc bà Phạm Thị Thanh M (H) và ông Phạm Ngọc H2 trả cho ông Nguyễn Hữu H1, bà Phạm Thị C tổng số tiền 480.000.000đ (Bốn trăm tám mươi triệu đồng). Trong đó, nợ gốc 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), tiền lãi suất 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phạm Thị Thanh M (H) và Phạm Ngọc H2g phải nộp 23.200.000 đồng (Hai mươi ba triệu hai trăm ngàn đồng).

- Hoàn số tiền: 11.720.000đ (Mười một triệu bảy trăm hai mươi ngàn năm đồng) cho ông Nguyễn Hữu H1, bà Phạm Thị C theo Biên lai thu số 0003874 ngày 21-4-2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt quyền kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết công khai.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT ;
- Viện kiểm sát ND TP. Vũng Tàu;
- Thi hành án dân sự TP. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Võ Thị Thanh Trúc

